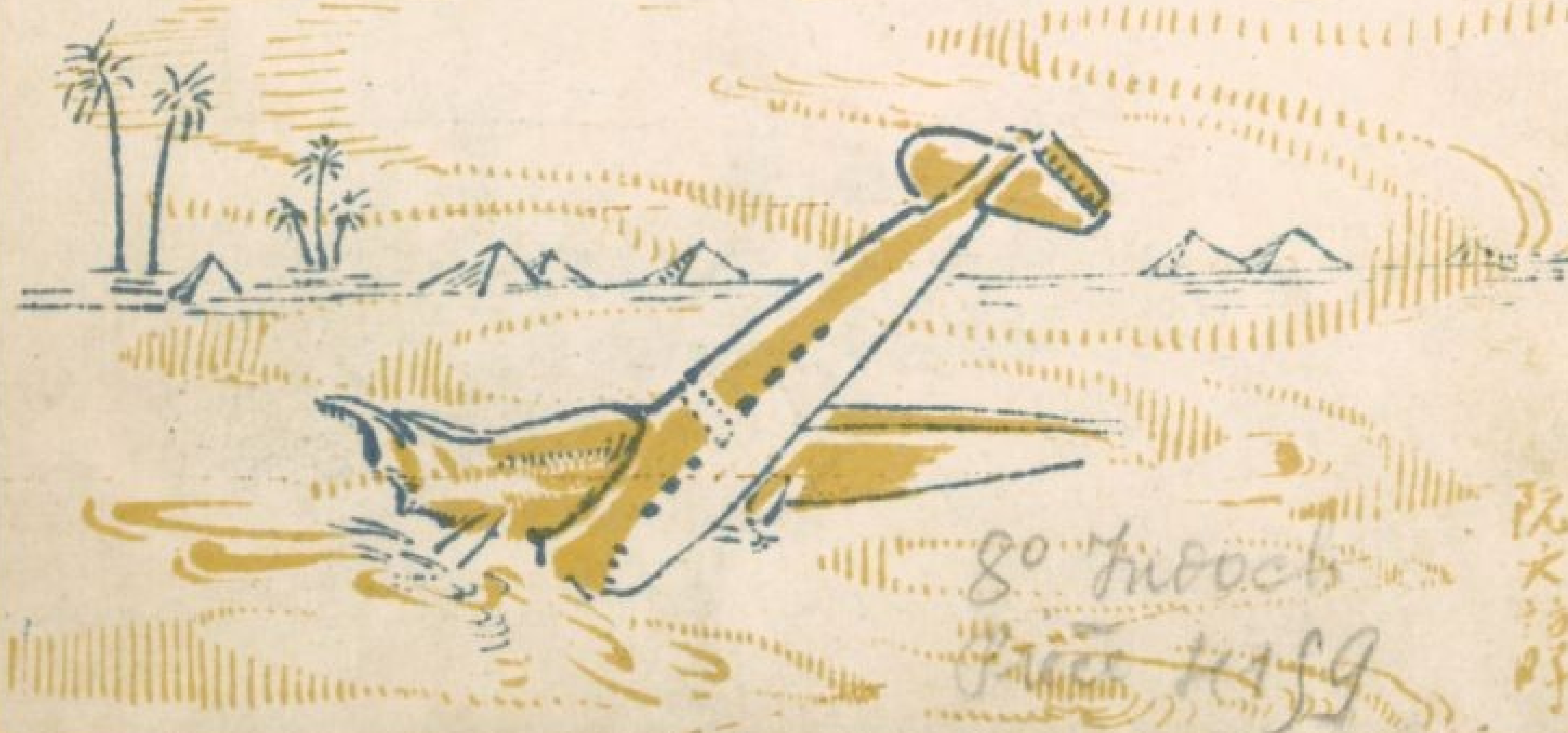
HUỲNH TÔN





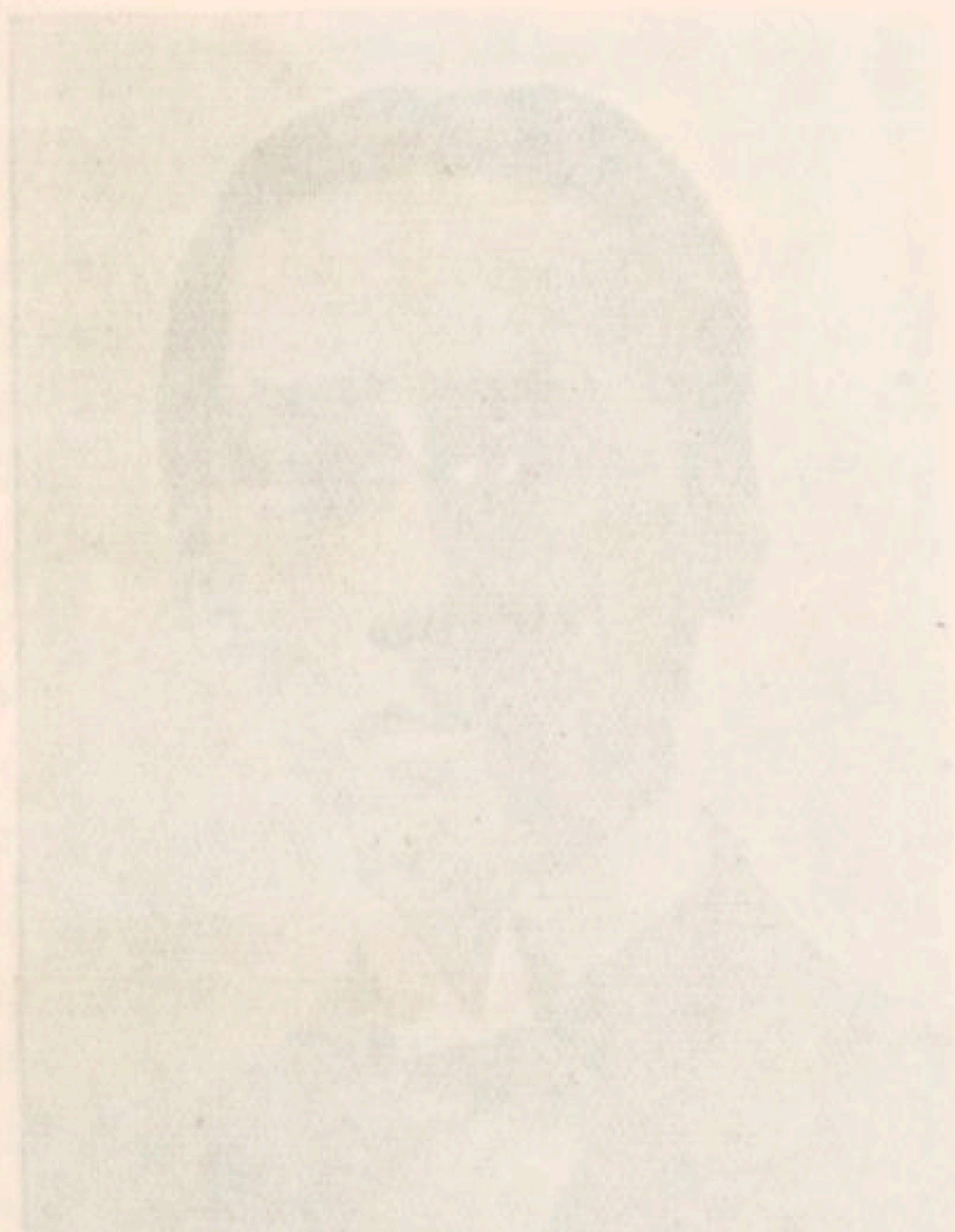
VUA
DUY TÂN



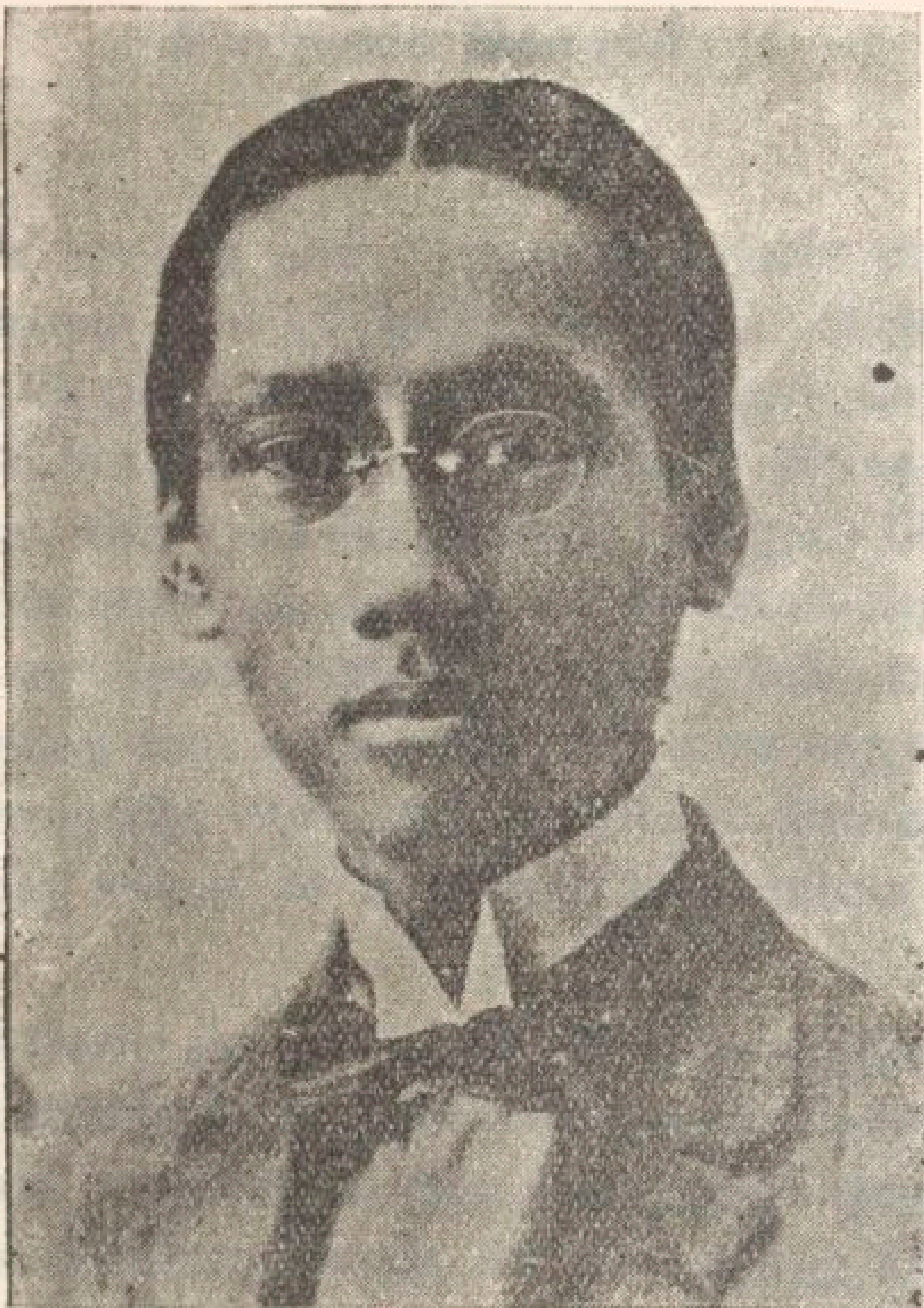
HUYNH - TON

HOÀNG-ĐẾ DUY-TÂN

— 1949 —
Nhà in KIM - SON
43, Phô Hàng Bông — Hanoi



Khô héo lá gan cây đỉnh Ngự,
Đầy vơi giọt lệ nước Sông Hương.



CHÂN DUNG HOÀNG-ĐẾ DUY-TÂN

Kính cáo Độc-giả

Ở Việt-Nam ai cũng nhớ rằng những biến chuyển quan trọng xảy ra trong thời-kỳ quân đội Nhật chiếm đóng đã làm cho chúng ta phải sống trong những giờ khắc khi thì khủng khiếp, khi thì căm hờn, và luôn luôn trong mối e ngại, lo âu. Song le cái thời gian ảm đạm đó cũng có đều hay: Nó khêu gợi lòng yêu nước của dân ta rồi khiến chúng ta sinh ra đau xót và uất hận trước những đều trông thấy. Đang khi tinh thần bị khích động một cách mãnh liệt như vậy, một số đồng bào vì ảnh hưởng của thời cuộc đã đi vào đường lối mà dần dà, cho đến ngày nay có lẽ mới nhận ra là mình không được trầm nghi.

Trong cảnh tượng ồn ào sôi nổi đã tiếp diễn ra, mục tiêu là để tỏ lộ tâm hồn quốc gia của dân tộc và để đòi hỏi quyền tự do sinh hoạt, quyền tái tạo giang sơn, quyền tiếp tục nhiệm vụ của ông cha, chúng ta mơ tưởng đến các nhà đại cách mạng Việt-Nam và hy vọng họ sẽ đem tâm lực ra mà vãn cứu đại-cục cho non sông giữa con đường rẽ của lịch sử.

Trước tiên người ta nghĩ đến Hoàng-Đế DUY-TÂN, đã bỏ ngai vàng để tranh đấu cho nền độc lập — mà than ôi! lúc đó người ta chưa biết ngài đã quá cố rồi — Người ta mong ước vị vua này mau hồi ngộ cùng Hoàng-đế BẢO-ĐẠI, một vị Hoàng-Đế cũng đã từng hy sinh bệ ngọc, để gom đức cộng tài để cùng nhau diễn lại công trình kỳ vĩ của Hoàng đế GIA-LONG. Cái kỳ công của vị sáng lập ra triều Nguyễn -

vẫn làm căn bản cho nguyện vọng chân chính của toàn dân ta : **Thống-Nhất và Độc-lập,**

Năm ngoái tôi có thảo một bài diễn văn lược qua thân thế và sự nghiệp của Hoàng-Đế DUY-TÂN. có ý để tụng niệm một vị vua đã đem tư tưởng cao sâu và tấm lòng bác ái mà chinh phục được tình luyến ái của nhân dân đối với chính thể quân chủ cố cựu của ta xây đắp trên nguyên tắc dân chủ của Khổng-Giáo. Tôi đã được ông Bộ-trưởng NGUYỄN-KHOA-TOÀN cho phép đọc bài ấy vào đài phát thanh của hãng Thông-Tấn Việt-Nam ngày 26 tháng chạp dương lịch là ngày Hoàng-Đế DUY-TÂN băng hà.

Tôi cũng có dịch bài ấy ra Pháp văn vì tôi nghĩ rằng ở ngoại quốc cũng có thể nghe được dễ dàng hơn cuộc nói chuyện của chúng ta về vua DUY - TÂN, ngài chính là một sĩ quan suất sắc đã chiến đấu bên cạnh các nước phe Dân chủ trong trận đại chiến vừa qua và đã từng tham gia vào cuộc đổ bộ tung giời lở đất trên lãnh thổ Pháp do Đồng-minh chỉ huy trong năm 1944. Bản dịch nói đó cũng đã được một nhân viên của bộ Thông-Tin trong C.P.T.U.L.T. đọc vào máy vô tuyến điện truyền thanh và có thể coi là một lợi khí tuyên truyền có tính cách quan hệ về quốc tế cho Việt-Nam.

Đến nay ngọn đông phong đã hiu hiu thổi, trong những đêm lạnh lùng không ngủ, chúng ta băn khoăn tưởng nhớ đến những đồng bào đã chịu đựng xiết bao nỗi tang tóc, xương máu, vì cơn binh lửa này, và đến các nhà ái quốc đã hy sinh hoặc còn đang phải hy sinh thân thể cho sự vinh quang của Tổ-Quốc.

Với ý tưởng đó tôi mới đem những trang sau đây ra cống hiến quý độc giả đã quan tâm đến nước Việt-Nam, và để cống hiến các đồng bào đang cùng chúng tôi kính cẩn ngưỡng vọng chư vị Anh-Hùng của Dân tộc.

Hà-Nội, ngày mồng hai tháng chạp 1949

HUỲNH-TỒN

Aux Lecteurs

Il est encore présent à la mémoire de tous Vietnamiens les graves évènements qui se sont précipités en ce pays sous l'occupation japonaise, évènements qui nous ont obligé tous, à vivre, tantôt dans l'épouvante, tantôt dans l'indignation, et toujours dans les transes continuelles. Ces heures tragiques ont pourtant servi à quelque chose:elles ont eu,entre autres conséquences,le renforcement de notre partriotisme qui, surexcité par des faits nouveaux, a atteint son paroxysme aigü. Dans cette surexcitation, bon nombre de nos compatriotes, influencés par des conjonctures du moment, s'étaient engagés dans des voies qui ne peuvent être situées exactement aujourd'hui qu'après un recul des temps.

Dans le tumulte des manifestations populaires nécessitées par un réveil général de la conscience patriotique, le peuple Vietnamien n'a, auparavant, comme aujourd'hui ou toujours, qu'une seule revendication à formuler : les droits de vivre librement et ceux de refaire le pays et de poursuivre les tâches de nos pères. Il a songé à ces grands révolutionnaires du Vietnam et a espéré en eux la réalisation de l'œuvre de sauvegarde des grands intérêts de la nation en ce tournant décisif de l'Histoire.

La première pensée a été dédiée à l'Empereur DUY-TÂN qui a bandonné le trône pour lutter pour l'indépendance nationale.On a vivement souhaité le retour de ce monarque—dont on ignorait encore hélas ! la disparition à ce moment là — et sa rencontre immédiate avec l'Empereur BẢO-ĐẠI qui a,lui aussi,renoncé à la couronne,pour l'accomplissement en commun de la tâche patriotique qui a magnifié

le rôle historique du grand Empereur GIA-LONG.L'œuvre grandiose de l'illustre fondateur de la dynastie des Nguyễn demeure toujours le fonds de nos pensées et denos aspirations les plus légitimes : L'UNITE ET L'INDEPENDANCE.

Désireux d'évoquer publiquement le souvenir de l'Empereur DUY-TÂN qui a su, par ses grandes idées et par son amour pour le peuple, faire aimer une monarchie traditionnelle assise sur des bases réellement démocratiques découlant du confucianisme, j'ai fait l'année dernière, une allocution retraçant succinctement les grandes pages de la vie de cet Empereur.J'avais obtenu du Ministre NGUYỄN-KHOA-TOÀN, l'autorisation de la diffuser moi-même par radio du " Vietnam-Press " le 26 Décembre 1948, jour d'anniversaire de la mort de S. M. DUY-TÂN.

Voulant ensuite faire connaître cette allocution dans certains pays, j'en ai traduit le texte en Français,lequel a également été lu devant le microphone par un membre du Ministère de l'Information du G. C. P. du Vietnam. Cette allocution ainsi traduite pourrait être un instrument de propagande sur le plan international. Car l'Empereur DUY-TÂN fut un officier d'élite qui s'était distingué dans la dernière Grande Guerre à côté des Alliés, et qui avait participé effectivement aux diverses opérations du fameux débaquement aéro-naval sur Terre de France en 1944.

En plein hiver, dans le tourbillon du vent glacial qui fouette nos nuits sans sommeil, nos pensées se tournent vers nos frères victimes des évènements actuels et vers les patriotes qui ont fait ou qui doivent encore faire le sacrifice de leur vie pour la grandeur de la Patrie.

C'est sous l'emprise de ces pensées que je dédie les pages suivantes à tous les lecteurs qui s'intéressent au Vietnam ainsi qu'à tous nos compatriotes dans une communion étroite et pieuse d'idées de profonde gratitude envers nos Héros nationaux.

Hanoi, le 2 Décembre 1949

T. X . HUỲNH-TÔN

Thưa các ngài,

Dù vừa trải những cơn thử thách nặng nề dân tộc Việt-Nam vẫn giữ vững lòng tin tưởng vào định mệnh Tổ-Quốc và ở trí sáng suốt của Hoàng-Đế Bảo-Đại là người họ đã đặt biết bao hy vọng. Hơn hai mươi triệu công dân sẵn sàng khép chặt hàng ngũ sau Ngài mà người ta coi là tượng trưng của lòng yêu nước. Ai ai cũng cùng chung một ý chí một lý tưởng quốc gia, cùng nhận thức cái dĩ vãng lịch sử đầy đẫy vinh quang.

Tấm lòng yêu nước đó mấy năm gần đây đã tỏ ra một cách chói lọi thì cách đây vài chục năm đã tượng trưng bởi một vị kế nghiệp khác của nhà Nguyễn mà chung ta kỷ niệm ngày hôm nay. Vị ấy là Hoàng-Đế Duy-Tân mà chúng tôi muốn mặc niệm nghĩ tới để kỷ niệm một mối tang chung của hoàng gia và của cả toàn thể dân tộc Việt-Nam nữa. Nhờ ở lòng ái quốc, tài năng xuất chúng, chí khí hào hiệp, mà vị vua này được nhân dân cực kỳ mến phục. Sinh năm 1900 Ngài lên nối ngôi đức Hoàng-phụ là Hoàng-Đế Thành-Thái, khi còn đang ít tuổi lắm, vào tháng chín năm 1907. Song đến năm 1916 thì theo lời đề nghị của đảng " Thanh-niên Việt-Nam " Ngài bỏ cung điện tối mùng ba mà ra cầm đầu một tổ chức cách mệnh.

Ở dưới chính thể Hồ-Chí-Minh, đâu đâu cũng thấy người ta bàn tán rất nhiều về vị vua đó. Người thì cho là Ngài còn vi hành sang Mỹ-châu rồi mới về nước. Kẻ thì nói Ngài đã về đến đất Trung-Hoa rồi và đang sửa soạn tiến quân đến tỉnh Lạng.

Nếu có những ức thuyết như vậy trong dân gian là vì lẽ không có mấy ai biết đích xác Hoàng-Đế Duy-Tân đã bỏ mình trong một tai nạn máy bay ở xứ Banghi thuộc về châu Phi ngày 26 tháng chạp năm 1945. Thật vậy, sự khuất bóng của vĩ nhân đó đã vùi mất một khối óc thông minh lạ thường, một ý chí dũng mãnh do tinh anh đất Việt chung đúc nên.

Vua Duy-Tân lưu vong ở quần đảo Réunion ngót ba mươi năm nay thường sống trong giờ khắc ủ rũ và nặng lòng lưu luyến cố hương, nhưng không bao giờ có chút gì tỏ ra nhớ tiếc quá khứ. Ngài quên hẳn cuộc đời lộng lẫy huy hoàng mà sinh hoạt một cách rất giản dị và cần mẫn nơi đất khách. Ngài là một nhà chuyên môn về máy vô tuyến điện, một nhạc sĩ đại tài đứng điều khiển ban âm nhạc ở nhà nhạc-hội của thành phố Saint Denis, là một chủ nuôi ngựa thi và tự cỡi lấy trong các cuộc thi lớn. Ngài là một nhà nhiếp ảnh và đã được giải thưởng của hội hàn lâm khoa học và nghệ thuật. Ngài còn viết báo, đọc diễn văn, làm sách bằng vận văn hay tản văn. Những tin tức đó là nhờ một giáo viên người đảo Réunion tòng sự ở đây, từng quen biết với Ngài, cho tôi hay cách đây đã mười lăm năm. Hồi ấy tôi có đăng lên báo làm công chúng Việt Pháp từ Nam chí Bắc ở xứ này đặc biệt chú ý đến mấy bài luận thuyết của tôi về Ngài.

Ngày nay tôi lấy làm hoan hỷ mà nghĩ rằng những náo động trên trường chính trị không che lấp được thanh danh của vua Duy-Tân mà cái giá trị vô song của một người lỗi lạc đã có phần cống hiến cho cái kho chung về trí năng kinh nghiệm của nhân loại. Vì rằng trước một dư luận thiên vị về Ngài do một tờ báo ở đây tung ra từ đầu năm 1946 trong một không khí sôi nổi và hỗn tạp thì có một tờ báo khác ở ngoài vọng lại như một âm vang, tiếng nói của tờ báo Pháp « Climats ». « Với một trí thông minh tuyệt đối, những tình cảm thâm trầm nhuần nhị, một bản tính trung chính, cương trực và cao quý, một tấm lòng bác ái Thiếu-tá V. S. đã qui tụ lại trong mình những tính tốt của loài người. »

Ở đảo Réunion Ngài hay tiếp chuyện với các nhà báo Âu-Châu đến phỏng vấn. Đây là lời Ngài nói đầu tiên với một phóng viên Pháp, Ông CH. WATEBLET : « Xuống tầu Guadiana đi mất 17 ngày đêm không đỗ lại chỗ nào cả, tôi đến đây vào ngày 20 tháng một năm 1916. khi ấy tôi mới 17 tuổi không chịu nổi thủy thổ thành thử sinh ra đau ốm luôn, đã ba lần phải cơn sốt nặng. Tôi lấy làm tự hào thấy người bản xứ biệt đãi tôi ; tôi cũng sung xướng được xem phong cảnh mỹ lệ của nước họ. Song những điều tôi được mãn nguyện đó không làm cho tôi quên nước Việt Nam tôi được. Tôi cũng ước ao đến ở thành Ba-Lê để thi thố bản năng tôi về khoa âm-nhạc mà tôi đã tự học lấy một mình ; còn về khoa văn học đã hai lần tôi được phần thưởng của viện hàn lâm văn chương ở xứ này ».

Chúng tôi chưa được hân hạnh biết mấy nhà báo Mỹ viết gì về Ngài, chúng tôi chỉ nghe một người Việt-Nam ở hải ngoại lâu ngày mới về cho hay rằng có một lần ở Ba-Lê Ngài nói chuyện với mấy nhà báo Mỹ đến phỏng vấn, đồng bào ấy lại nói thêm rằng trong lúc nói chuyện vua Duy-Tân vẫn chăm chú sửa chữa một dụng cụ về chiến tranh như thường.

Trong khi bận rộn về trăm công nghìn việc nơi mảnh đất xa lạ kia, ngài không ngừng để ý đến Tổ-Quốc mà Ngài hết lòng mong ước được trở lại trên con đường vinh quang do liệt thánh đã vạch. có sẵn máy thu thanh, Ngài nghe ngóng, dò xét sự tiến triển của quốc dân và các biến chuyển trên trường quốc tế để tự xếp đặt một chương trình chính trị thích hợp của mình. Trong kỳ đại chiến vừa rồi, Ngài ngả về phe Đồng-Minh và không để cho ảnh hưởng của đối phương lọt vào cái quê hương ti ti kia của nhiều văn hào và thượng tướng Pháp mà ngài ở.

Ở trong quân đội kháng chiến Pháp nhờ đức tính và kinh nghiệm của Ngài mà Ngài đã tỏ ra một chiến sĩ anh dũng. Ngài đã dự vào cuộc đổ bộ trên đất Pháp. Sau cùng ngài có mặt trong hàng ngũ của binh đội chiếm đóng

ở Bá-Linh. Sau cuộc chiến thắng của các nước Dân chủ, Ngài trở lại đảo Réunion với chức thiếu tá. Song không ai ngờ trên bước đường này các bậc anh hùng thời cổ bên phương Tây đón Ngài và đưa về nơi hiển địa của họ, làm tiêu tán ước vọng tha thiết của Ngài là trở về với Tổ-Quốc và thần dân sau bao năm nghìn trùng cách biệt.

Với một quan niệm cao siêu trong việc thi hành nhiệm vụ Ngài lạnh lùng khinh thường cái chết cho nên Ngài đã viết trong chúc thư chính trị của Ngài rằng : « Ta muốn sau khi ta khuất người đời có thể viết trên nấm mồ ta câu đã ghi dưới chân tượng Thống-chế JOCH tại Luân-Đôn, chỉ có việc đổi lại danh từ thôi." Tôi nhận thức rằng đã phụng sự nước Pháp là cũng như đã phụng sự Tổ Quốc tôi vậy."

Ngày 10 tháng 6 năm 1945, Hoàng-Đế Dny-Tân phá tan sự lặng lẽ âm thầm mà ngỏ cùng quốc dân mấy lời sau đây đó cũng như một huấn lệnh cho toàn quốc lúc ấy còn sống trước một tương lai mập mờ. Song tiếc thay mấy lời châu ngọc đó không thấu đến quốc dân vì lúc bấy giờ các máy thu thanh trong nước đều bị tịch thu sạch.

Hoàng-Đế truyền rằng : « Các ngươi hãy nhận rằng trước khi mặt giời lặn, một con chim đen, ai cũng biết là con chim báo khách, đến kêu trước song cửa sổ của nhà các ngươi ở, rồi các ngươi tự hỏi không biết khách nào sẽ đến vậy ? Thì đây chính là ta đó, người lão thành này đã từng suy nghĩ giúp các ngươi. Từ lâu, từ lâu lắm nay là lần đầu tiên ta mới lại nói chuyện cùng các ngươi, nếu cái giọng ta không được trong lắm chính vì nó đã đượm tình thân ái sắt son của chúng ta đối với nhau.

«Hãy tạm quên những nỗi đau khổ, hãy tạm quên cả những sự vui vẻ mà nghe hồn Tổ-Quốc kêu gọi con em rồi bảo rằng:«Hỡi con dân nước Việt,các ngươi đã làm chi cho ta chưa, trong khi các dân tộc trên thế giới sới đất,khai quặng, thiết lập nhà máy, dẫn nước vào sa mạc, xây dựng thành trì, cố tiến hành công

việc để bồi đắp cái di sản của họ, dầu có nguy đến tính mạng cũng chẳng quản ngại. Còn các người đã làm chi cho ta? Những thế hệ sau đời vua Tự-Đức đâu đã làm gì để cho phong phú, kỳ vĩ và oai hùng cái di sản để lại cho các người?" Từ Bắc tới Nam ta nghe nhiều tiếng kêu la, ta cảm thấy nhiều sự vận chuyển làm rung động đến cả cỗi rễ những cổ thụ. Liệu các người có làm cho ta thành một bãi hoang vu mà những kẻ vô lương tranh dành để trị lẫn nhau? Liệu các người xưa nay chỉ dùng lời nói để tự vệ, các người có dâng ta cho những kẻ giả công các người bằng những lời hoa mỹ? Bởi vì tất cả những thứ mà họ cho các người toàn là lời nói khéo mà thôi; giá trị của các người, sự phú cường của các người; nền độc lập của các người, chỉ có ta đem lại cho các người thôi. Các người hãy nghiêng mình mà nghe cho rõ những lời ta dặn: các người hãy làm sao cho ta cung cấp được khả năng của ta, các người hãy khai thác hết nguyên liệu của ta, xây nhà máy, dựng thành phố lên lưng ta. Sau hết hãy hòa hợp lại trong một tâm hồn chung.

« Hãy nhớ rằng sau Hoàng-Đế Gia-Long các bậc tổ tiên của các người đã chẳng quản tấm thân vì đại nghĩa để chung đúc cho các người một danh dự và một lịch sử vẻ vang, Đừng có bán cái lịch sử quý báu đó đi trong một lúc mãnh liệt. »

Rứa thì chim đen đen kia là hình ảnh của ngài vậy, sau mấy lời kêu giong dỉa đó đã cất cánh lìa cành mà đi xa thẳm tận phương trời Châu Phi rồi không bao giờ trở lại nữa! Chúng tôi ngậm ngùi thương tiếc mà cúi đầu tưởng niệm Ngài, Chúng tôi biết làm sao để tỏ lòng thám tạ với Ngài trước những hy sinh lớn lao của Ngài. Chúng tôi chỉ xin nguyện với Ngài là sau khi ra khỏi cơn thống khổ này sẽ gắng làm cho tâm thần thêm trong sạch và đoàn kết chặt chẽ sau Hoàng-Đế Bảo-Đại mà chắc Ngài đã nghĩ đến khi mà Ngài dạy rằng : một ngày kia do Thiên Mệnh, một vị lãnh đạo sẽ xuất hiện rồi đưa các người đến con đường sáng lạng của nền Độc Lập thực sự.

Ngài không nói chúng tôi cũng biết. Ngài đã phụng sự Tổ Quốc khi Ngài đã kháng chiến cùng với quân đội giải phóng của

quốc dân Pháp.tỏ mối thân ái nồng nàn và lòng nghĩa hiệp với nước Pháp đang gặp bước gian lao, Cái cử chỉ cực kỳ quan hệ về phương diện chính trị đó làm tăng sức kiên toàn những yêu sách căn bản của chúng tôi ngày nay đã biểu dương rõ rệt sự gia nhập của nước Việt-Nam vào cái kỳ công bảo vệ lẽ Tự-Do và nền Dân-Chủ của thế giới văn minh.

Tôi kết luận bằng cách hiệu triệu đồng bào hãy tịnh túc lại trong vài giây phút để tỏ lòng kính cẩn tưởng niệm Hoàng-Đế Duy-Tân người đã bước vào lâu đài nguy nga chứa di sản vĩ đại của Tiên nhân chúng ta để lại là cái lịch sử nghìn xưa và những trang oanh liệt.



Vua Duy-Tân

Vua DUY - TÂN là con thứ tám của Hoàng - Đế THÀNH-THÁI sinh ngày 26 tháng tám năm Canh-tý (1900). Ngày 28 tháng bẩy năm Đinh-mùi (1907) thì được các quan đại thần chọn lên nối ngôi đức hoàng phụ sau khi vị vua này bị đưa đi an trí cũng vì một âm mưu cách mạng bị bại lộ. Hiện nay Ngài đã về nước và ở tại Ô-cấp (Nam-Việt).

Khi mới đăng quang mới có tám tuổi, nhưng Hoàng-Đế DUY-TÂN đã tỏ ra rất thông minh và có những tính nết lạ lùng làm cho nhiều người phải ngạc nhiên. Buổi đầu mới vào đại nội, mỗi ngày người ta dọn cho Ngài ăn bằng lối mâm cao cỗ đầy, Ngài phản đối ngay mà nói rằng: « Tôi thường dùng bát cơm úp lại với một con cá bống kho mặn, cứ việc cho tôi ăn rửa là đủ. »

Sau người ta phải dọn cho Ngài, ngoài cơm ra chỉ độc có một món ăn thôi. Về chuyện mặc thì ngài chỉ chịu mặc áo the thâm và quần vải trắng. Năm sau là năm 1908, nhân có những vụ dân chúng ở Nam-Nghĩa nổi dậy kéo nhau lũ lượt đi yêu cầu giảm thuế thân thì Ngài nói với các quan đại thần rằng: « Nếu trong nước hay có loạn là vì nỗi nhân dân bị thiếu thốn, thì từ nay sắp tới lương bổng của tôi là 500 đồng một tháng, thì tôi xin lãnh 200 đồng thôi, còn 300 đồng giao lại cho các thầy để các thầy đem ra giúp những kẻ nghèo khổ. »

Khi đến 13 tuổi lại xẩy ra một chuyện mà người ta cho là kỳ dị với cái tuổi ấy nhưng rất lý thú: Sau những buổi

học tập Ngài hay vào Nội-các lục lọi những hiệp ước mà hai nước Việt Pháp đã ký với nhau ra xem. Rồi một hôm, giữa cuộc yến tiệc với văn võ đình thần, Ngài công nhiên tỏ ý muốn cử Công-bộ Thượng-thư Nguyễn-hữu-Bài là người giỏi tiếng Pháp sang Pháp để yêu cầu duyệt lại hiệp ước ký năm 1884, vì ngài nhận thấy những thi hành của hiệp ước ấy không đúng với những điều kiện mà hai bên đã ký kết với nhau. Rồi mọi người đang ăn uống vui vẻ, thì một cảnh im lặng như tờ nỗi đầy bao phủ họ.

Thường đến mùa hè thì ngài ra nghỉ mát ở cửa Tùng thuộc về tỉnh Quảng-Trị,

Ở đó ngài thích chuyện trò thân mật với bọn chài lưới trước khi họ ra khơi chiến đấu với những sự nguy hiểm của nghề nghiệp họ. Chiều chiều thì họ về trên năm bẩy chục chiếc buồm chạy rạch nước, họ thấy ngài đứng ngóng họ trên bờ bể, thì liền mang những con cá tươi lại biếu, và nhiều khi cho ngài mượn cả lưỡi câu để câu trong bãi. Có lần đang ngồi câu thì ông Thượng Ngnyễn hữu Bài đi lại, ngài liền ra cho ông này một câu đối mà Cải-Tạo số 34 ngày 1-1-49 có nhắc lại.

Những việc xẩy ra ở cửa Tùng hoặc ở đại nội dần dà thấu đến tai ông Khâm-sứ. Ông này đã nhiều phen nói cùng lưỡng cung phải bảo ngài thay đổi thái độ lại,

Song mặc dầu những lời khuyên răn ngài không thay đổi chút nào mà càng ngày lại càng tỏ ra can cường thêm,

Ngài hay hỏi ông Thượng Nguyễn-hữu-Bài những câu làm cho ông lúng túng không giả nhời được. Rồi, một lần, ông ta phát cáu mà hỏi lại rằng : — Ngài muốn đánh Tây thì lấy gì mà đánh ?

— Rứa thì thầy không biết tôi có khí giới rồi chăng ?

— Ở đâu nào ?

— Ở trong lòng dân chớ đâu.

Có khi viên Hội lý bộ Lại là đại diện ông Khâm-sứ mang giấy tờ sang trình công việc, thì ngài không xem và nói rằng :

« Ông cứ về nói lại với quan Khâm rằng xưa nay không ai cho tôi biết việc gì cả mà cũng không ai nghe tôi cả. thì quan Khâm cứ tự ý mà làm đi, hà tất phải nói chuyện với tôi cho mất công? »

Về việc đào lăng tìm vàng do người Pháp khởi xướng, ngài phản đối kịch liệt bằng cách đóng cửa cung lại không tiếp ai cả.

Các quan cứ hàng ngày vào chiêm yết và khuyên can mãi Ngài mới chịu cho lệnh mở cửa, nhưng ngài còn tức dận và ngỏ ý muốn tuyệt giao với các nhà đương cục Pháp ở Thuận-hóa lúc bấy giờ. Sau ông Toàn-quyền Xa-Lô phải từ Hà-Nội vào Kinh can thiệp mới dàn xếp xong.

Người ta nhớ rằng tuy không đào được vàng ở lăng, nhưng sau cũng đào được đến mấy hầm bạc chôn ở đại nội từ đời vua Tự-Đức có dấu hiệu là của vị vua sau này.

Đến năm 16 tuổi. Hoàng-Đế Duy-Tân làm lễ thành hôn với lệnh ái của ông Tham Tri Mai-khắc-Đôn là phụ đạo của Ngài. Bà này sau cũng theo Ngài sang Réunion. nhưng ở được ít lâu thì xin trở về cố hương.

Năm 1916, đảng "Tân Việt-Nam" mà trung ương đảng bộ đóng ở Quảng-Nam cử ông Trần-can-Vân làm liên lạc viên để bàn luận với Ngài về việc tổ chức cuộc cách mạng do Ngài giẫn đạo.

Nhờ có Ngài đứng đầu mà đảng « Tân Việt-Nam » đã lôi cuốn được nhiều đảng viên xuất sắc trong phái thanh niên tân học như Y-sĩ Lê-đình-Dương chẳng hạn, Ông này mới ngoài hai mươi tuổi, vừa đỗ tốt nghiệp trường thuốc Hà-Nội. Hơn nữa ông lại là con một thượng quan từng được ông Khâm-sứ Trung-kỳ yêu chuộng và cấp học bổng cho.

Bị bắt ở Quảng-Nam đem về Huế. Ông được dẫn đến trước mặt ông Khâm-sứ. Ông Khâm-sứ tức tối hỏi Y-sĩ Dương: « Tại sao anh phản nước Pháp đã nuôi anh ăn học cho thành tài ? »

Ông Dương trịnh trọng nói rằng : « Thưa ngài tôi rất lấy

làm tiếc. song cũng như ngài và cũng như những người yêu nước khác tôi có bổn phận thiết yếu là phải để quyền lợi và danh dự của Tổ-Quốc lên trên hết mọi sự. Nếu ngài nghĩ kỹ lại một chút thì ngài không thể lấy một cớ gì mà trách tôi được, vì lẽ mấy chục triệu người Pháp lấy làm tức tối trong lòng khi mà nước Pháp bị mất hai tỉnh Alsace và Lorraine về tay người Đức, huống chi như chúng tôi đây thì mất cả nước từ Nam chí Bắc mà ngài nhủ chúng tôi cứ cúi đầu mà chịu, thì chúng tôi chịu mần răng được? »

Ông Lê-đình-Dương bị án khổ sai giam ở ngục thất Khánh-Hòa. Sau ông Toàn-quyền Xa-Lô ân xá cho rồi cho lên làm Y-tá ở miền cao-nguyên. Ông ở đó được vài năm thì mất. Dân Quảng-Nam có khóc ông bằng những bài thơ huyết lệ, nhưng chúng tôi tiếc không nhớ được.

Đêm mồng 3 tháng 5 năm 1916, vua Duy-Tân từ giã cung điện, ra bến Phù-văn-lâu xuống thuyền, đi cầm đầu cuộc khởi nghĩa mà hai ông Trần-Cao-Vân và Thái-Phiên đã trù bị đâu đó. Đêm ấy là đêm đã chọn để khởi nghĩa, song công việc không thành tựu vì có những sự phản phúc mà người ta biết. Ngài bèn toan xuất dương nhưng chưa kịp đi thì bị bắt tại một ngôi chùa gần Nam-giao cách kinh thành bốn năm cây số.

Khi Ngài bị bắt các đảng viên tùy tòng, đứng đầu là ông Trần-Cao-Vân vì lòng thương mến mà không chịu bỏ Ngài, cứ đứng chung quanh ngài nên cũng bị bắt và sau nhiều người bị án tử hình. Còn ngài thì bị đưa đi an trí cùng với đức Hoàng-phụ ở quần đảo Réunion một đảo nhỏ ở giữa Ấn-Độ-Dương gần Châu Phi.

Trong hồi đại chiến, khi quân đội Anh đến chiếm đóng đảo ấy thì ngài đăng vào đội quân của họ. Sau sang Luân-Đôn ngài nhập vào đội quân kháng chiến của tướng Đờ-Gôn rồi dự vào cuộc đổ bộ do Đồng-Minh lãnh đạo trên đất Pháp năm 1944.

Vì thế sau khi đình chiến ở Âu-Châu chính phủ Pháp tặng

Ngài chức Thiếu-tá và dự định cho Ngài hồi hương, song có lẽ với những điều kiện không làm cho ngài được thỏa mãn. nên ngài mới trở lại đảo Réunion, rồi đi được nửa đường thì bị nạn.

Khi ngài còn ở Ba-Lê, nhiều người Pháp có lòng ái mộ ngài, có người vẫn còn giữ lại những bức thư mà ngài đã gởi cho họ. Trong khi ấy ngài thường nói với mấy người Pháp quen biết hỏi Ngài về chính trị ở Việt-Nam thì Ngài trả lời ôn tồn rằng: « Tôi vẫn yêu dấu Hoàng-Đế Bảo-Đại mà tôi cũng chẳng ghét gì ông Hồ-Chí-Minh, tôi chỉ muốn cho các nước Đồng-Minh vì tôi mà để ý đến Tổ-Quốc tôi thôi. »

Trích báo " Cải-Tạo " (22-1-1949)

Nhớ lại vua DUY-TÂN

Hôm 26 vừa qua đài phát thanh « Tiếng nói Việt-Nam » đã có hảo ý kỷ niệm vua DUY-TÂN bằng một bài viết trên sóng điện, nói về thân thế ngài.

Nhưng chúng tôi nhận thấy nhà vua có nhiều cái đặc điểm mà người ta bỏ qua, có lẽ sợ phạm vào thời thế.

Ta nên nhớ Nguyễn-triều, từ vua Tự-Đức trở về, nếu có một ông vua Cách mạng. công nhiên phản kháng chính sách bảo hộ, ấy là vua DUY-TÂN.

Lúc ngài tại vị, tuy còn ít tuổi mặc lòng, đã có sáng suốt và can đảm không chịu ký tên vào những giấy tờ có tính cách xâm phạm chủ quyền nước Việt-Nam hoặc tăng thuế nọ, hoặc nhượng đất kia, mà Toàn-quyền hay Khâm-sứ định đưa cho ngài để cứ việc nhắm mắt ký tên.

Có lúc người ta muốn uy hiếp ông vua trẻ tuổi ấy cũng chẳng nổi. « Bay cứ ép tau lên ngôi, chứ tau có thiết làm vua vong quốc đâu» ! ấy là lời vua DUY-TÂN khẳng khái nói trước mặt viên Khâm-sứ Mahé, người đã ra lệnh đào lăng vua Tự-Đức để tìm vàng.

BỎ NGÔI VÌ CÁCH MẠNG. -- Người ta còn truyền tụng mãi câu này nhà vua ra cho ông Nguyễn-hữu-Bài, nhân một buổi bơi thuyền câu cá : « Ngồi trên nước khốn toan vì nước, trót buông câu đã lỡ phải lần ». Có lẽ nhà vua muốn dò thử ý tứ ông Bài xem có đồng tâm với mình không ?

Ông Bài đối lại : « Nghĩ việc đời mà ngán cho đời, liều nhắm mắt đến đâu hay đó »,

Nhà vua lẳng lặng, không nói gì, nhưng trong ý bất bình về cái tâm lý cam chịu của một vị triều thần được coi là bậc khá lúc đó,

Với ngài, là phải ra mặt phản đối chính sách bảo hộ, dù phải mất ngôi hay mất đầu cũng mặc.

Bởi đó việc ngài mưu đồ khởi nghĩa với các ông Thái-Phiên, Trần-cao-Vân và nhân sĩ cách mạng ở vùng Nam Nghĩa không một triều thần nào biết.

Lúc bị bắt ở một ngôi chùa gần Huế, cử chỉ nhà vua đối với viên Đồng-lý văn-phòng Le Fol, đã tỏ hết khí khái của một thanh niên yêu nước, một ông vua cách mạng thất bại.

Một mai Việt-Nam thực sự Độc Lập, thì ông vua cách mạng ấy phải có tượng đồng bia đá, chứ không phải một bài kỷ niệm ở máy truyền thanh mà thôi.

Trích báo "Cải-Tạo" (1-1-49)



Ô.Ô. TRẦN-CAO-VÂN và THÁI-PHIÊN

Trong việc Hoàng-đế DUY-TÂN mật mưu khởi nghĩa năm 1916, có hai người đóng vai tả phủ hữu bật trọng yếu : một người phụ trách về quân sự, một người chuyên giữ về ngoại giao. Ấy là Trần-cao-Vân và Thái-Phiên.

Họ Thái người Quảng-Nam, vốn là một nhà thầu khoán giỏi, sinh bình rất hiếu hiền kính sĩ, kết nạp anh em đồng chí nhiều, làm ra đồng tiền nào, không để tự phụng mà chỉ để giúp đỡ các bạn Đông-du và bỏ hết vào công việc cách mạng.

Còn ông Trần-cao-Vân thì chính là một chiến sĩ văn-thân, hồi 1908, ở Nam-Nghĩa nổi lên phong trào dân chúng vận động « bãi xâu » và « cúp tóc». Ông hoạt động hăng quá, nên bị án đầy ra Côn-đảo mới được phóng thích về nước ít lâu.

Nhân được biết rõ Hoàng-đế DUY-TÂN ôm ấp chí lớn, ông cải trang làm người câu cá, do ngả vườn Hậu bổ vào hồ Tĩnh-Tâm để gặp nhà vua. bàn tính đại sự. Tất cả vụ án DUY-TÂN mật mưu kháng Pháp khởi điểm từ đó.

Ông là một nhà cựu học, chuyên trị về kinh Dịch, tinh thông Dịch lý mỗi khi làm việc gì, ông cũng lấy Dịch ra bói toán cho biết cát hung, tức là điều tin tưởng của phần nhiều các cụ nho học ngày trước. nhân đó người ta đồn ông có phép thuật và tài khoa nhâm độn, Nhưng ông đã giúp Phan-Tây-Hồ tiên-sinh trong các cuộc diễn thuyết cổ động canh tân, nền tảng của các vận động cách mạng sau này.

Ông cũng là một nhà văn làm nhiều bài quốc văn có tính cách cổ động cách mạng, nhưng đã mai một cả rồi không còn sưu tập được nữa,

Giữa lúc đang bôn tẩu mưu đồ khởi sự, ông có bài thơ vịnh Hỏa-xa Huế-Hàn như sau này :

Một mối xa thư đã biết chưa ?
Bắc nam hai ngả gặp nhau vừa,
Đường rầy đã sẵn thang mây bước,
Ống khói càng cao ngọn gió đưa.
Sấm dậy tứ bề trăm mây chuyển,
Phút thâu muôn dặm nửa giờ trưa.
Trời sai ra dọn xong từ đấy,
Một mối xa thư đã biết chưa ?

Nhiều người thoạt nghe tất lấy làm lạ, vì tác giả đang cùng vua DUY-TÂN mưu tính công việc tầy trời, có thể nhất sinh thập tử, sao lại còn rảnh trí làm thơ ? Nhất là đầu đề là Hỏa-xa Huế-Hàn, nghe ra không có thú vị gì cả.

Té ra bài thơ ấy của ông làm ra, không vì nghệ thuật hay là hồn thơ phát động mà chỉ vì cách mạng. Một ông bạn cũ ở Thần-kinh hôm nọ đọc bài thơ trên cho tôi nghe và nói :

— Ông Trần-cao-Vân làm bài thơ ấy để ước hẹn đồng chí Nam-Nghĩa về ngày giờ khởi nghĩa đấy.

Sự thật, ông sợ tai vách mạch rừng, cho nên mượn đầu đề Hỏa-xa Huế-Hàn mà vịnh ra bài thơ này, cốt báo tin cho đồng chí Nam-Nghĩa biết cuộc khởi nghĩa đã nhất định nhằm giờ ngọ, tháng ngọ, ngày ngọ mà ông đã bói Dịch, chọn được ngày giờ ấy tốt lành có lợi. Ví dụ câu « Phút thâu muôn dặm nửa giờ trưa » là ngụ ý đó.

Nhưng vua DUY-TÂN vì tình thế bức bách, phải định ngày giờ sớm hơn ít lâu ; nếu không vậy thì những toán lính mộ đồng tâm xuống tầu đi Tây mất. Tương truyền ông Trần-cao-Vân lại hỏi Dịch-lý, biết trước rằng công việc tất hỏng, nhưng một khi đã hứa thân cho nước thì nhất định hy sinh. sự chết sống đặt ra ngoài vòng lo nghĩ.

Thế rồi công việc bại lộ, nhà vua và hai ông Thái-Phiên Trần-cao-Vân cùng bị bắt như ta đã biết.

Sau lúc bị bắt, ông Trần-cao-Vấn đã an phận tất chết, nhưng việc ông lo nghĩ nhất, là cứu vua DUY-TÂN. Chính-phủ thực-dân lúc bấy giờ trao vụ án cho viện Cơ-mật xét và có khuynh hướng kết án vua DUY-TÂN thật nặng cho được hả lòng tức dận nhà vua

phản bội nước Pháp giữa lúc nước Pháp đang theo đuổi cuộc chiến tranh bên Âu-châu.

Nhưng suốt cả thời kỳ xét án lấy cung, mỗi việc gì ông Cao-Vân cũng khẳng khái nhận là trách nhiệm mình, để gỡ cho nhà vua.

Chính ông Học-bộ Thượng-thư Hồ-đắc-Trung, là một Cơ-mật đại-thần, phụ trách thảo án hồi bấy giờ, cũng chủ tâm cứu vua. Cho nên trong lòng án của ông, cốt đổ riệt cho Trần-cao-Vân và Thái-Phiên một người xưng là quân sư, một người xưng là ngoại giao xúm lại phiến hoặc vua, chứ vua không biết gì về công việc khởi nghĩa mà người ta buộc riếc cho ngài.

Trong bản án ông Hồ-đắc-Trung làm có mấy câu thú vị sau này cốt gỡ tội cho vua : « Cơm nếp Hà-trung, cháo gà núi Ngự, nhà vua phải gió bụi dãi dầu đến thế, đều tại bọn kia gây chuyện ra thế. « *Hà-Trung mạch phạn, Ngự-lĩnh kê thang, thừa dư chi thử phong trần, giai thử bối vi chi nghiệt dã,* »

Ông Hồ-đắc-Trung được tiếng trong giới sĩ phu, nhờ về mấy câu văn án đó.

Khi ông Trần-cao-Vân sắp bị chém đầu, còn viết hai câu đối sau đây trên một miếng giấy vấn thuốc lá, ủy thác người lính đao phủ đưa về tận tay họ Hồ.

« Trung là ai ? Nghĩa là ai ? Cân đai võng lọng là ai ? Nỡ để cô thần tử biệt.

Trời còn đó. Đất còn đó, Xã tắc sơn hà còn đó? Mong cho Thánh thượng sinh toàn. »

Trong câu ấy phân minh ký thác ông Hồ-đắc-Trung phải hết sức cứu gỡ nhà vua vậy.

Cách mười năm sau, ông Hồ-đắc-Trung còn giữ mẫu giấy kỷ niệm ấy kể truyện với người thân tín lấy làm tự hào vì Trần-cao-Vân ký thác cho mình công việc cứu vua.

Trích báo «Cải-Tạo» (21-1-1949)



Messieurs,

Malgré les dures épreuves qu'il vient de subir, le peuple Vietnamien garde toujours sa foi dans les destinées de la Patrie et dans la haute sagacité de l'Empereur BẢO-ĐẠI en qui il place les plus fervents espoirs. Ces vinpt cinq millions d'hommes sont prêts à se masser derrière ce souverain qui demeure le symbôle même de l'amour du pays. Tous se réunissent dans une seule pensée, un seul idéal national, et ont la claire conscience de notre passé historique si riche en gloires.

Cet amour de la patrie qui se manifeste de façon si éclatante ces dernières années, a été, il y a quelques décades, incarné par un autre descendant des NGUYỄN dont c'est aujourd'hui l'anniversaire : C'est l'Empereur DUY-TÂN dont nous tenons à faire revivre le souvenir en commémorative d'un deuil qui a frappé la famille royale et le peuple Vietnamien tout entier. Il jouissait d'une popularité immense de par son patriotisme, ses talents exceptionnels, et la noblesse de son cœur.

Né en 1900, il montait tout jeune encore en Septembre 1907, sur le trône pour succéder à son père, l'Empereur THÀNH-THÁI. Mais en 1916, sur les insistances des membres du « jeune Viet-Nam», il abandonnait le trône dans la nuit du 3 au 4 Mai de cette année pour aller prendre la tête d'une organisation révolutionnaire. Sous le Gouvernement Hồ-Chí-Minh, en particulier on parlait passionnément de ce monarque découronné, de son retour imminent au Vietnam. Les uns disaient qu'il aurait fait un voyage en Amérique avant de retourner au pays. Les autres confiaient qu'il serait déjà revenu en Chine où il serait prêt à avancer ses troupes jusqu'à la province de Langson.

En somme, il faut convenir que si les gens conjecturaient dans ce sens, c'est qu'ils ignoraient réellement que celui qu'ils vénéraient, fut tombé mortellement du haut du ciel de Banghi à la suite d'un accident survenu à l'avion qui le transportait, le 26 Décembre 1945. Avec la disparition d'une telle personnalité, s'éteignit une des intelligences les plus étonnantes, une des volontés les plus tenaces qu'ait produites le génie Vietnamien.

Exilé à la Réunion où il vivait depuis une trentaine d'années souvent au milieu des minutes d'ennuis et de nostalgie, pures cependant de tout regret du passé, S.M. DUY-TÂN reniait volontiers la haute destinée qui lui avait été dévolue pour mener une existence simple et laborieuse. Il était particulièrement spécialiste dans la T. S. F. Musicien de talent, surtout violoniste, il dirigeait souvent l'orchestre de la Société philharmonique de Saint - Denis. Il se livrait à l'élevage des chevaux et participait comme jockey aux courses de grands prix. Il était photographe et lauréat de la Société académique des Sciences et Arts. L'Empereur passait ses loisirs dans les occupations de l'esprit : il écrivait dans les journaux des articles concernant la musique et le sport hippique. Il prononçait des conférences sur les sujets sociologiques et littéraires. Il laissait la plupart de ses manuscrits non encore complètement édités. Ces renseignements que j'ai pu recueillir grâce à la gentillesse d'un professeur créole de la Réunion exerçant son métier ici et qui avait fréquenté l'Empereur, je les ai rapportés, il y a quinze ans, dans un quotidien de Hanoi. Et mes informations relatives à S. M. DUY-TÂN avaient vivement intéressé à ce moment là tous mes lecteurs Français et Vietnamiens du Sud au Nord de la Péninsule.

Je suis heureux de pouvoir affirmer aujourd'hui que la fièvre et les agitations politiques actuelles ne sauraient effacer le prestige de S. M. DUY-TÂN dont la grande valeur morale a largement contribué à asseoir le fond de sagesse humaine au Vietnam parmi ses amis et ses proches. Car aux commentaires tendantieux écrits aux débuts de 1946 à l'encontre de ce souverain par une feuille locale et propagés par elle dans une atmosphère orageuse et trouble, a répondu comme un écho, une voix étrangère, celle émanant du journal « Climats » de France qui dit : « D'une intelligence supérieure, d'une profonde délicatesse de sentiments, d'un caractère royal, droit

et fier, d'un désintéressement absolu, le Commandant Vinh-San réunissait toutes les qualités d'un homme.»

A la Réunion, il lui fut souvent arrivé que des journalistes européens fussent veuus l'interviewer, et voici ses premières déclarations à un membre de la Presse française (M. Ch. Wateblet) : « Embarqué à bord du " Guadiana " j'arrivai à la Pointe des Galets le 20-11-1916 après un voyage de 17 jours sans escales, j'avais alors 17 ans, complètement dépaysé, j'acclimatai d'ifficilement à la Réunion. La fièvre me tenailla fréquemment et j'eus trois accès de bilieuse hématurique. Certes, je n'ai qu'à me louer de mes relations avec les habitants de la Réunion qui ont toujours été très prévenants à mon égard. Je ne puis me plaindre non plus de cet admirable pays dont j'ai visité tous les sites. Mais tout cela ne saurait me faire oublier l'Annam. Mon plus cher désir cependant serait de vivre à Paris où je pourrais donner libre cours à mes penchants pour la musique que j'ai apprise tout seul, et pour les lettres, par deux fois, j'ai été lauréat de l'Académie de la Réunion. »

Nous n'avons pas obtenu le privilège de connaître ce que certains journalistes américains ont écrit sur lui, nous avons appris seulement par un ami Vietnamien expatrié depuis de longue date, récemment retourné au pays, que l'Empereur s'était entretenu une fois à Paris avec quelques publicistes venant de l'Amérique, et ce compatriote a ajouté qu'en répondant aux questions de ses interlocuteurs, S. M. poursuivait toujours la mise au point d'une machine de guerre.

Au milieu de ses occupations les plus diverses menées dans cette contrée lointaine, S. M. DUY-TAN ne cessait de se tourner vers le Vietnam auquel il rêvait de rendre sa splendeur d'antan due à ses illustres ancêtres. A l'aide de son poste radio personnel, il suivait attentivement les mouvements d'évolution du pays ainsi que les évènements mondiaux afin de coordonner son programme politique. Durant la Grande Guerre, il se rangeait aux côtés des Alliés et assurait le ralliement de l'île de Réunion, patrie de nombreux poètes et généraux français. Engagé dans la F. F. L., il faisait souvent preuves de ses qualités morales et de ses connaissances techniques, il participait au débarquement sur le territoire français

puis il prenait son rang dans l'armée d'occupation à Berlin. Aprés la victoire définitive des Démocraties, il retournait à Saint Denis avec assimilation au grade de Chef de Bataillon. Et personne n'attendait au cours de ce voyage, qu'il fut appelé si tôt vers les Champs-Elyséens qui lui raviraat ainsi son cher désir de revoir sa patrie et son peuple après de longues années de séparation.

Avec une conception hautaine du devoir, il méprisait la mort qu'il envisageait assez froidement. Aussi, écrivait-il dans son testament politique: «Je veux qu'à ma mort qu'on puisse écrire sur mon tombeau la phrase qui était inscrite sous la statue de Foch à Londres en changeant simplement de nom ! : « J'ai conscience d'avoir servi la France comme j'ai servi mon propre pays ».

Rompant le silence semblable à celui de la tombe, S.M. DUY-TAN nous adressait par radio, le 10-6-1945, un premier message qui constituait le mot d'ordre pour toute la nation qui vivait à cette époque dans l'incertitude de l'avenir. Malheureusemenl, ces belles paroles ne nous ont pas été parvenues à cause de la confiscation de tous les appareils récepteurs décidée par les Autorités de fait nippones.

« Convenez-vous un peu, disait notamment l'Empereur, qu'avant « le coucher du soleil, un oiseau noir, vous savez celui qui annonce « une visite, est venu crier sur une branche de bambou jaune qui est « devant votre fenêtre. Vous vous êtes demandés qui devait venir? « Eh bien! C'est moi, le vieux sage qui a médité pour vous. C'est la « première fois, depuis longtemps, depuis très longtemps que je « vous parle, et si ma voix n'est pas très claire, c'est qu'elle est « voilée de toute la tendresse que nous avons les uns pour les « autres.

« Pour un instant, oubliez vos misères ! Oubliez aussi vos plaisirs! « Ecoutez, l'âme de la terre natale vous parle, et elle dit:

« Fils d'Annam, qu'avez-vous fait pour moi ? Pendant que les « peuples de la terre fouillaient le sol, construisaient des usines, « irriguaient des déserts, tiraient des métaux, bâtissaient des cités « et augmentaient, au prix souvent de leur vie le patrimoine de la « nation, vous, qu'avez-vous fait pour moi ? Où est l'apport des « générations qui vécurent depuis l'Empereur TU-DUC ? En quoi

« avez-vous fait plus riche, plus grand, plus noble l'héritage que vous « avez reçu? Qu'avez-vous donné à la nation ?

« J'entends du Nord au Sud beaucoup de cris. Je sens beaucoup « d'agitations remuer jusqu'aux racines des arbres centenaires. Allez- « vous faire de moi un champ dévasté où les hommes sans âmes se « battent pour se gouverner ? Allez-vous, vous qui n'avez que des « mots pour vous défendre, m'offrir à qui vous paiera avec de beaux « mots ? Car tout ce qu'on vous dira et tout ce qu'on vous donnera, « ce ne sera que des mots. Votre valeur, votre richesse, votre « indépendance. Vous ne pouvez l'avoir que de moi seul.

« Penchez-vous sur moi et entendez bien ce que je vous dis. « Faites moi produire ce que je peux, ouvragez mes produits, « construisez sur moi des usines et des cités. Et vous, hommes, « unissez-vous dans une même âme. Souvenez-vous que derrière « le grand GIA-LONG, vos aïeux sont morts pour vous donner un « nom et une histoire. Ne vendez-pas cette histoire pour la vanité « d'un moment... »

Ah! cet oiseau noir qui devait incarner votre image, après ce chant s'envola et se perdit dans les tréfonds du ciel d'Afrique pour ne plus jamais revenir ! Nous restons confondus dans une tristesse infinie en lui adressant respectueusement l'hommage de notre gratitude émue. Ô cher et bien-aimé souverain ! comment vous manifester la reconnaissance que nous devons vous porter pour tout ce que vous avez fait dans l'intérêt de la nation. Nous vous promettons simplement de sortir de nos malheurs actuels purifiés et plus unis derrière S. M. BẢO - ĐẠI auquel vraisemblablement, vous auriez fait allusion en disant: «Un jour telle est la Volonté du Ciel un chef surgira qui vous amènera vers la route claire de votre vraie indépendance. »

Sans que vous le disiez, nous sommes convaincus que vous avez bien servi la Patrie en vous engageant dans la F. F. L. témoignant ainsi à la France votre sympathie profonde, votre amitié chevaleresque à un moment décisif de sa destinée. Ce geste d'une haute portée politique qui est de nature à renforcer nos revendications nationales, doit montrer la contribution qu'a apportée le Vietnam

en votre personne, à l'œuvre grandiose de défense de la Liberté et de la Democratie du monde civilisé.

Je termine en invitant nos compatriotes à nous recueillir pendant quelques minutes devant l'image de S. M. DUY-TÂN qui, désormais, entre dans notre patrimoine d'Histoire et de Gloire.



HÃNG **VIÊT - CƯƠNG**

(E^ts FRANCASIE)

XUẤT NHẬP CẢNG CÔNG TY

Đại-lý các hàng hóa Trung, Nam, Bắc và Ngoại Quốc. Cần hợp tác các nhà kỹ nghệ và tiểu công nghệ, Trung, Nam, về các ngành nông sản, lâm sản và thổ sản.

Đại-lý tơ sợi và các lụa Hà-đông.

Bán vé và nhận hàng gửi bằng máy bay đi các nơi.

Cho thuê ô-tô con "**Chevrolet-Fort** Mỹ" và xe camion chạy các tỉnh và trong thành phố

Tổng cục 57^bis, Phố Hàng Bồ — HANOI

Giây nói : **832**

Hộp thư : **200**



Chi cục :

NAMDINH

Phố Paul Bert

N· 225

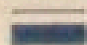


Bàn giấy tại Pháp :

FRANCINDO

62, Rue Saint Lazare

PARIS (9ème)





Giá : 10$00